| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN AN BIÊN**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **30**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 5 - 2018
V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa*: Bà **Thị Gấm**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Bùi Minh Cảnh**

2. Ông **Hà Minh Hằng**

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Quốc Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 54/2018/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2018 về việc: " Xin ly hôn, nuôi con " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐXX-ST, ngày 16 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Lâm Kim N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp 5 , xã N T, huyện A, tỉnh Kiên Giang

*2. Bị đơn:* Anh Lê Văn P, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp X, xã T Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Chị N có mặt tại phiên tòa, anh P vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/01/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lâm Kim N trình bày và yêu cầu như sau*:**

Chị Lâm Kim N và anh Lê Văn P chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2003, hôn nhân tự nguyện. Trước khi chung sống hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo P tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, thường xuyên cự cãi qua lại với nhau, anh Lê Văn P nhiều lần kiếm chuyện dùng lời lẽ xúc phạm và đánh chị dẫn đến vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2013 cho đến nay.

Về con chung: Chị N xác định chị và anh P có 02 người con chung tên Lê Thị Mỹ Q, sinh ngày 17/8/2004 và Lê Minh V, sinh ngày 27/01/2007, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Thị Mỹ Q, giao cháu Lê Minh V cho anh P nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị N không trình bày và yêu cầu gì thêm.

***Tại bản tự khai đề ngày 27/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Văn P có ý kiến như sau:***

Anh P thống nhất lời trình bày của chị N về thời gian chung sống, hai vợ chồng có tổ chức lễ cưới theo P tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn, theo yêu cầu của chị N anh P đồng ý chấm dứt quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Lê Thị Mỹ Q, sinh ngày 17/8/2004 và Lê Minh V, sinh ngày 27/01/2007. Anh P đồng ý giao cháu Lê Thị Mỹ Q cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh P nhận nuôi cháu Lê Minh V. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án gồm; 02 giấy chứng minh nhân dân, 01 sổ hộ khẩu (bản sao); 01 đơn xin xác nhận chưa đăng ký kết hôn; 02 giấy khai sinh tên Lê Thị Mỹ Q và Lê Minh V (bản sao).

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Kim N và anh Lê Văn P thống nhất chấm dứt quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Chị N và anh P thống nhất thỏa thuận giao cháu Lê Thị Mỹ Q, sinh ngày 17/8/2004 cho chị N nuôi dưỡng và chăm sóc (theo nguyện vọng của cháu

Q); giao cháu Lê Minh V, sinh ngày 27/01/2007 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc (theo nguyện vọng của cháu V).

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

**Tại phiên tòa hôm nay**: Chị Lâm Kim N vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu nêu trên. Anh P vắng mặt nên không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ pháp luật tranh chấp "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con", xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện An Biên, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải, công khai chứng cứ và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa sơ thẩm đúng theo trình tự và Thư ký thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn anh Lê Văn P vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Nôi dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh P cưới nhau vào năm 2003, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, được UBND xã T Y và UBND xã N T xác nhận là chưa có đăng ký kết hôn. Căn cứ vào Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Xét theo nguyện vọng của cháu Lê Thị Mỹ Q yêu cầu được sống với chị N, nguyện vọng của cháu Lê Minh V yêu cầu được sống với cha là anh P là có căn chấp nhận theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung và nợ: Chị N và anh P  xác định không có nên không đề cập xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn anh Lê Văn P có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự nên việc tham gia phiên tòa của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Lê Văn P vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Văn P.

[3] Về nội dung vụ án: Chị N và anh P đều xác nhận anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, nhưng anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án chị N và anh P đều thống nhất chấm dứt quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh chị không được pháp luật thừa nhận, do anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lâm Kim N và anh Lê Văn P.

Về con chung: Chị N và anh P xác định vợ chồng có 02 người con chung tên Lê Thị Mỹ Q, sinh ngày 17/8/2004 và Lê Minh V, sinh ngày 27/01/2007. Chị N và anh P thống nhất thỏa thuận giao cháu Lê Thị Mỹ Q cho chị N nuôi dưỡng và chăm sóc (theo nguyện vọng của cháu Q); giao cháu Lê Minh V cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc (theo nguyện vọng của cháu V). Anh P, chị N không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Do anh P, chị N có đủ khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con.

Anh P, chị N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh chị có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị N và anh P xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lâm Kim N có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo

biên lai thu số 0001447 ngày 26/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị N đã nộp đủ án phí.

[5] Hội đồng xét xử, xét lời phát biểu của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

**1.** Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lâm Kim N và anh Lê Văn P.

**2.** Về con chung: Ghi nhận ý kiến của chị N và anh P thống nhất thỏa thuận giao cháu Lê Thị Mỹ Q, sinh ngày 17/8/2004 cho chị N nuôi dưỡng và chăm sóc (theo nguyện vọng của cháu Q); giao cháu Lê Minh V, sinh ngày 27/01/2007 cho anh P nuôi dưỡng và chăm sóc (theo nguyện vọng của cháu V). Anh P, chị N không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Do anh P, chị N có đủ khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con.

Anh P, chị N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh chị có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

**3.** Về tài sản chung và nợ: Chị N và anh P xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

**4**. Án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Lâm Kim N có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001447 ngày 26/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị N đã nộp đủ án phí.

**5. Quyền kháng cáo:**

Án xử công khai, báo cho chị N biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đối với bị đơn anh P vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

**Thị Gấm**